

Ma túy là gì?

ThS. BS. Nguyễn Song Chí Trung

Trung tâm chuyển giao công nghệ điều trị nghiện và HIV
(VHATTC)

Đại học Y Dược TP.HCM

Các định nghĩa “ma túy”

- Thông thường: chất **gây nghiện bị cấm**
- Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO) :

Chất làm biến đổi tâm thần

(ý thức, tri giác, tư duy, cảm xúc, hành vi...)

- Không nhất thiết là gây nghiện
- Thuật ngữ khác: “chất”, “chất tác động tâm thần”, “chất hướng thần”

Đều có thể được xem là ma túy:

- Heroin, ma túy đá, cần sa, thuốc lắc
- Rượu, thuốc lá
- Trà, cà phê
- Methadone, Diazepam, Morphine
- Thuốc chống trầm cảm, thuốc chống loạn thần
- Thực phẩm
- Keo con chó

Ma túy không gây nghiện

- Caffein (cà phê, trà, sôcôla, cola, nước tăng lực)
- MDMA (thuốc lắc, “ecstasy”)
- LSD
- Methadone (?)

Chú ý: **vẫn có thể gây hại (lạm dụng)**

Nhiễm độc chất

- Thay đổi **tâm lí, hành vi** với **hậu quả tiêu cực** ngay sau khi tiếp xúc với chất
- Có thể phục hồi
- Đặc trưng cho chất (nhưng các chất khác nhau có thể có biểu hiện nhiễm độc giống nhau)
- **Có thể còn kéo dài nhiều ngày sau khi đã thải loại hết chất ra khỏi cơ thể**

Ngộ độc (quá liều)

- Nhiễm độc nặng, nguy hiểm tới tính mạng
- Lý do:
 - Sử dụng liều lớn (vô ý hay cố ý)
 - Ma túy có độ tinh khiết cao
 - Pha trộn nhiều loại ma túy
 - Tái sử dụng sau một thời gian cai nghiện
 - Sử dụng đường tiêm chích
- Chất yên dịu: suy hô hấp, trụy tim mạch, hôn mê
- Chất kích thích: loạn nhịp tim, co giật, kích động

Phân loại ma túy theo tác động tâm thần

Yên dịu (ức chế)	Kích thích	Gây ảo giác
Buồn ngủ, giảm vận động ↓ hoạt động sinh lí (tim mạch, hô hấp, tình dục)	Tỉnh táo, tăng vận động ↑ hoạt động sinh lí	Ảo giác Ảo tưởng Hoang tưởng
<i>Rượu, benzodiazepine, chất dạng thuốc phiện, barbiturate</i>	<i>Ma túy đá, cà phê, thuốc lá, cocain</i>	<i>LSD</i>

Có thể kết hợp:

- Kích thích gây ảo giác: MDMA (thuốc lắc)
- Yên dịu gây ảo giác: cần sa (bồ đà)

Chất yên dịu

- Thuốc ngủ – an thần
- Chất dạng thuốc phiện
- Rượu

Ngoài ra (nhóm phụ):

- Antihistamine
- Thuốc giãn cơ

Chất yên dịu – Tác động chung

- Ưc chế hoạt động thần kinh trung ương: lơ mơ, buồn ngủ, giãn cơ
- Ở liều thấp có thể “giải ức chế”: hành vi và cảm xúc xung động
- Quá liều: hôn mê, suy hô hấp, trụy tim mạch

Thuốc ngủ - an thần

- Điều trị mất ngủ, lo âu, động kinh
- Benzodiazepine:
 - Diazepam (Valium, Seduxen)
 - Bromazepam (Lexomil, “3 chìa”)
 - Clonazepam (Rivotril)
- Z-drug:
 - Zopiclone (Drexler)
 - Zolpidem
- Barbiturate:
 - Phenobarbital



Chất dạng thuốc phiện

- Đồng vận thụ thể mu (và kappa, delta)
- Tác dụng: giảm đau, ức chế hô hấp, giảm nhu động ruột
- Chỉ định: đau, ho, tiêu chảy
- Lạm dụng: cảm giác phê khoái

CDTP tự nhiên

- Không cần qui trình biến đổi hóa học nào.
- Thuốc phiện (opium)
- Chứa nhiều hoạt chất khác nhau: morphine, codeine, thebaine



Quả thuốc phiện



Morphine

CDTP bán tổng hợp

- Cần biến đổi hóa học từ một hợp chất có nguồn gốc tự nhiên
- Heroin (diacetylmorphine), buprenorphine (từ thebaine), oxycodone, hydrocodone, ...



CDTP tổng hợp

- Được điều chế hoàn toàn từ phản ứng hóa học, không cần hợp chất tự nhiên.
- Fentanyl
- Pethidine (Dolargan)
- Methadone
- Tramadol
- Loperamide (Imodium): không qua hàng rào máu não ở liều thông thường

Hội chứng cai

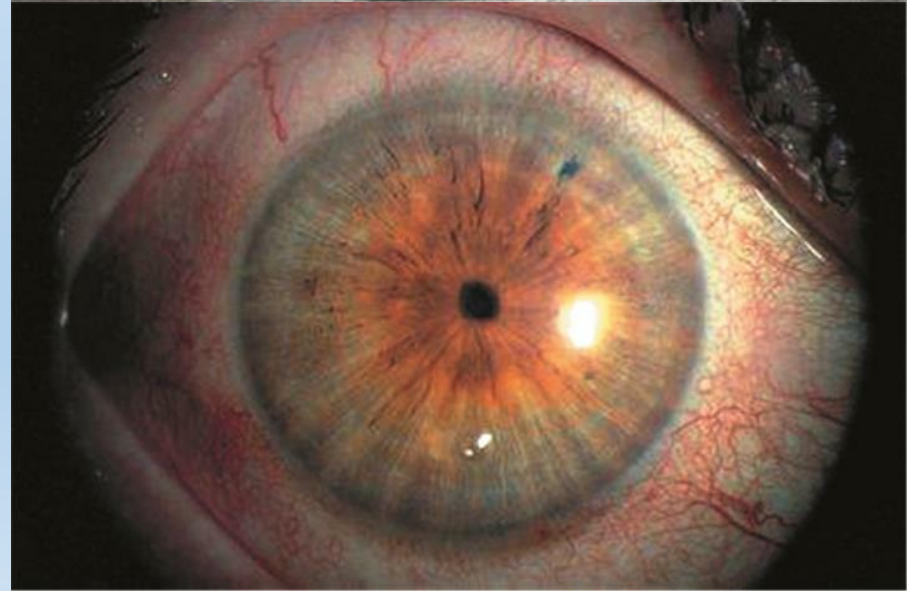
- Triệu chứng cơ thể, tâm lí do ngừng hay giảm việc sử dụng chất ở mức độ nặng và lâu dài
- Sử dụng lại chất đó làm giảm/mất các triệu chứng
- Đặc trưng cho chất
- Thường, nhưng **không phải luôn luôn**, liên quan đến nghiện chất

Quá liều chất dạng thuốc phiện

- Lơ mơ, hôn mê
- Suy hô hấp, tím tái
- Tụt huyết áp, ngưng tim
- Đồng tử co nhỏ

Xử trí:

- Cấp cứu tim phổi
- Naloxone



Hội chứng cai chất êm dũ

Biểu hiện chung

Kích hoạt hệ thần kinh tự chủ giao cảm:

- Bứt rứt, bồn chồn, khó ngủ
- Run rẩy
- Ớn lạnh
- Vã mồ hôi
- Mạch nhanh
- Tăng huyết áp
- Tăng thân nhiệt

Hội chứng cai CDTP

Ngoài biểu hiện chung kích hoạt giao cảm, còn có:

- Ngáp
- Đau nhức, “dòi bò”
- Đau bụng, tiêu chảy
- Buồn nôn, ói
- Đồng tử giãn to



Hội chứng cai rượu

Ngoài biểu hiện chung kích hoạt giao cảm, còn có:

- Run tay nhiều
- Lơ mơ, mê sảng (sảng run)
- Ảo giác: ảo xúc, ảo thị
- Hoang tưởng
- Co giật

Xử trí hội chứng cai rượu

- Nguy hiểm, có thể gây tử vong:
 - Mê sảng, hành vi kích động
 - Co giật
 - Rối loạn điện giải
- Điều trị:
 - Truyền dịch
 - Benzodiazepine: diazepam
 - Vitamine B1

Chất kích thích

- Cocain (lá coca)
- Thuốc lá (nicotine)
- Caffein (cà phê, trà, sôcôla, cola, nước tăng lực)
- Arecoline (hạt cau)
- Chất kích thích tổng hợp dạng amphetamine:

Chất kích thích – Tác động chung

- Tăng cường hoạt động thần kinh trung ương
 - Tỉnh táo, năng động, tự tin
 - Giảm khẩu vị
 - Tăng nhịp tim, tăng huyết áp, tăng nhịp thở
- Nhiễm độc, quá liều:
- Lo lắng, bồn chồn
 - Kích động
 - Mất ngủ
 - Co giật

Chất kích thích – Nhiễm độc, quá liều

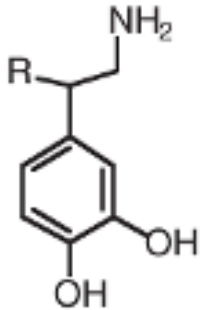
- Cảm giác hồi hộp
- Lo lắng, bồn chồn
- Kích động
- Mất ngủ
- Loạn nhịp tim
- Co giật

Chất dạng amphetamine

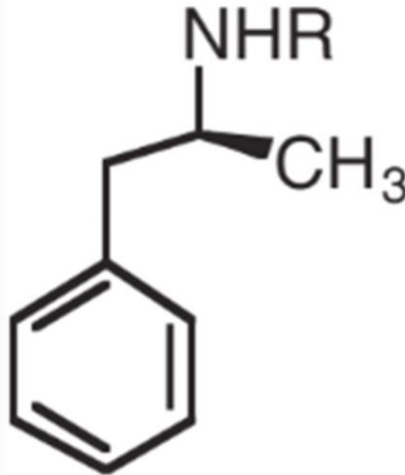
Ma túy kích thích tổng hợp:

- Methamphetamine (hàng đá)
- 3,4-Methylenedioxymethamphetamine (MDMA, thuốc lắc, ecstasy)
- Amphetamine (hồng phiến)
- Ephedrine (thuốc cảm)
- Methylphenidate (Ritalin)

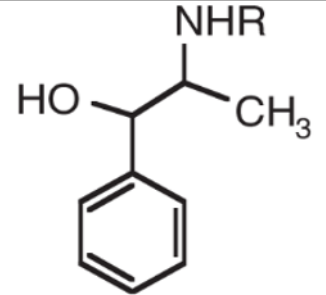
Cấu trúc hóa học



Dopamine; R=H
Norepinephrine; R=OH



Methamphetamine: R=CH₃
Amphetamine: R=H



Pseudoephedrine or
Ephedrine: R=CH₃

- METH có cấu trúc tương tự với chất dẫn truyền thần kinh catecholamine (dopamine, norepinephrine)
- Có thể được tổng hợp từ Ephedrine/Pseudoephedrine (thuốc cảm)

Ba dạng methamphetamine



Tinh thể
(ma túy đá)



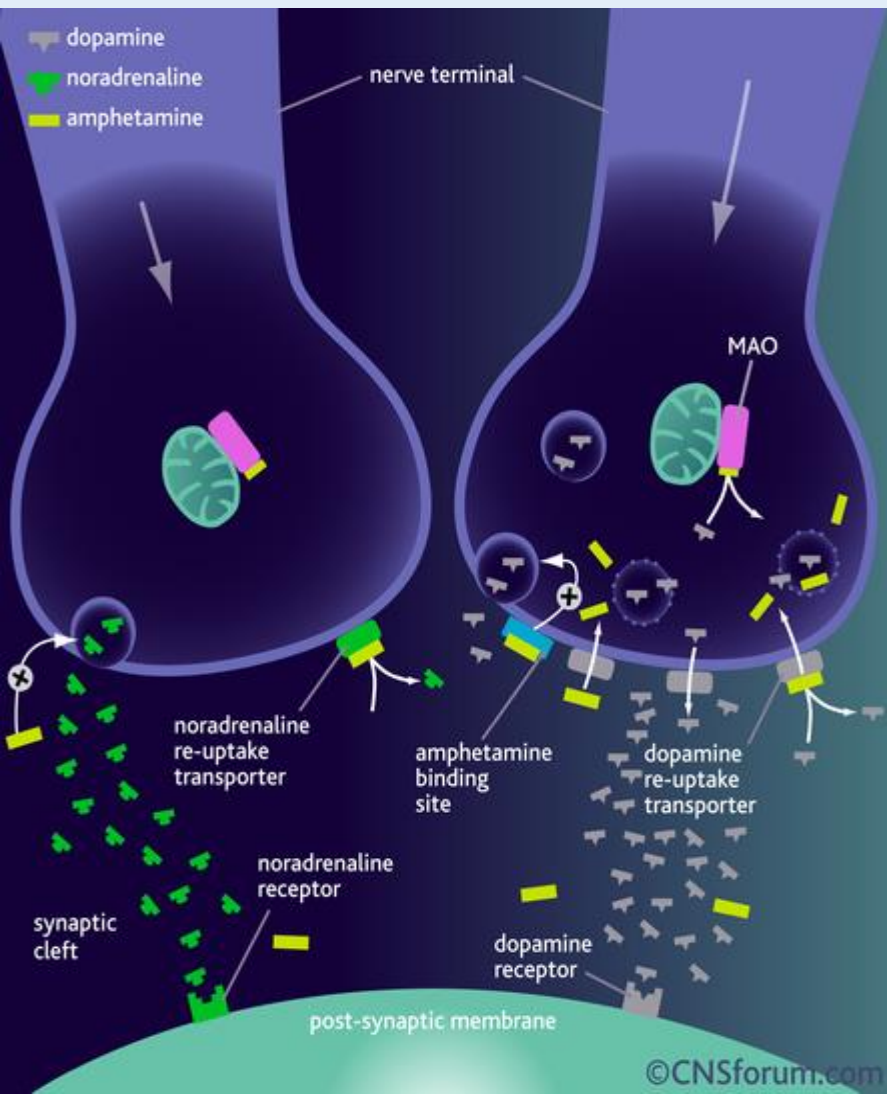
Bột



Viên nén

Dạng tinh thể có độ tinh khiết cao nhất

Cơ chế tác động



- Gia tăng phóng thích dopamine trong não bộ (gấp 26 lần).
- Gia tăng hoạt động của noradrenaline.

Dược lí của METH

- Chất kích thần mạnh: gia tăng hoạt động tâm sinh lí
- Đường hút và tiêm cho tác dụng nhanh (cảm giác “phê” xuất hiện trong vài phút sau sử dụng)
- Chuyển hóa chậm nên tác dụng kéo dài (>12 giờ)
 - Thời gian bán hủy: 11-12 giờ
 - Amphetamine: 8 giờ
 - MDMA: 4 – 6 giờ
 - Cocain: 30 – 60 phút
 - Heroin: 8 – 30 phút
- Xuất hiện dung nạp nhanh (cảm giác phê sững nhanh chóng mất đi sau vài lần sử dụng)

Tác dụng tâm lí của METH

- Tỉnh táo, minh mẫn hơn
- Hưng phấn, sung mãn
- Khỏe khoắn, tràn đầy sinh lực
- Tăng khả năng tập trung, tăng trí nhớ
- Tăng hoạt động có mục đích
- Tăng khả năng giao tiếp, tự tin
- Mất ức chế, tăng hành vi mạo hiểm
- Không cảm thấy đói

Tác dụng sinh lí của METH

- Tăng huyết áp
- Giảm nhịp tim (liều cao gây tăng nhịp tim)
- Tăng thân nhiệt
- Vã mồ hôi
- Thở nhanh
- Đánh trống ngực
- Giãn đồng tử
- Giảm tiết màng nhầy niêm mạc (vd. khô miệng...)

Lý do sử dụng METH

- Cảm giác phê sướng tức thời
- Tăng sự tỉnh táo
- Hết trầm uất
- Tăng khả năng tình dục



Nhiễm độc METH (liều cao)

- Tâm lí:
 - Lo lắng, căng thẳng, mất ngủ
 - Dễ cáu gắt, kích động, gây hấn
 - Hành vi lặp đi lặp lại, hành vi lộn xộn
 - Ngôn ngữ vô tổ chức
 - Nghi ngờ, loạn thần (ảo giác, hoang tưởng)
- Sinh lí - thực thể:
 - Loạn nhịp tim
 - Nghiến răng
 - Co giật
 - Dị cảm da → cào cấu mặt mũi và chân tay

Sử dụng METH lâu dài

- Lệ thuộc METH: 17% số người sử dụng
- Mất hứng thú, mất khoái cảm
- Bất thường khí sắc, hung hãn
- Suy giảm trí nhớ, khả năng tập trung, suy luận
- Loạn thần (hoang tưởng, ảo thanh)
- Hư răng

METH và tình dục

- Trong thời gian đầu sử dụng:

- Tăng ham muốn (hứng tình)
- Tăng khoái cảm
- Tăng khả năng quan hệ tình dục

Nhưng có khi rối loạn khả năng ngay từ những lần đầu

- Tuy nhiên, sau thời gian dài sử dụng:

- Giảm ham muốn
- Giảm khả năng (rối loạn cương)

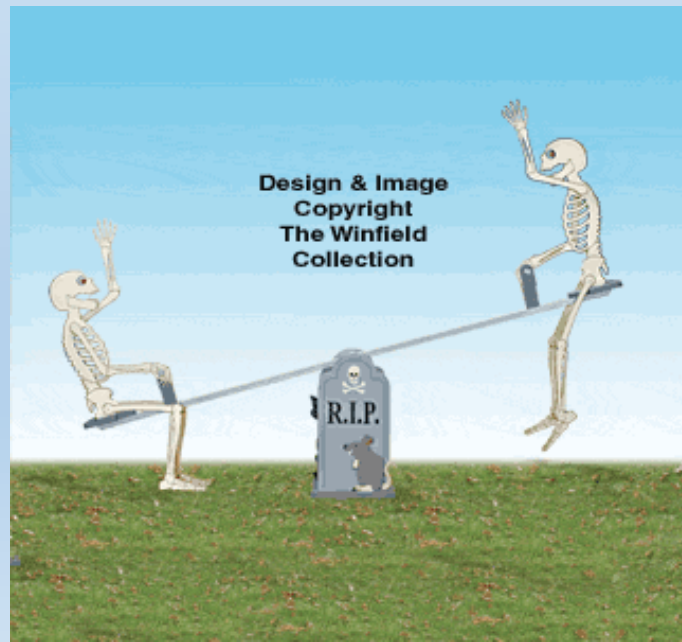
Hội chứng cai METH

- Ăn nhiều
- Ngủ nhiều
- Trầm cảm (bứt rứt, khó chịu)

Nguyên tắc Ván bập bênh

Hội chứng cai thường gây ra triệu chứng trái ngược với nhiễm độc chất

- Cai chất yên dịu: bứt rứt, lo âu, mất ngủ, ↑TKTV
- Cai chất kích thích: buồn ngủ, ăn nhiều, trầm cảm



Chất gây ảo giác

- Lysergic acid diethylamide (LSD, tem giấy, bùa lưối)
- Tetrahydrocannabinol (THC, cần sa, bồ đà)
- Cần sa tổng hợp (Cỏ Mỹ)
- Ketamine
- N₂O (nitơ oxit, khí cười)
- Keo hít



Chất gây ảo giác – Tác động chung

- Ảo tưởng
- Ảo giác
- Hoang tưởng
- Biến đổi nhận thức về không gian, thời gian
- Biến đổi nhận thức về thực tại